

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT

Ngày 17- 4 - 2024

Về “T/c hợp đồng hợp tác”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn Luật.

Ông Nguyễn Văn Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Tô Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại TAND tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2024/TLPT- KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng hợp tác”; do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTMST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐ- PT ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ngọc A; địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Luật sư Trần Thị Ly L - Công ty L4; địa chỉ: Số A đường T, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Hợp đồng uỷ quyền đề ngày 25/5/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A1;

Trụ sở đóng tại: Số B đường L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng C- Giám đốc Công ty, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hồng C; địa chỉ: Số B đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Hồng C là người đại diện hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày: Ngày 02/7/2019, giữa bà Hoàng Thị Ngọc A với Công ty trách nhiệm hữu hạn A1 (Công ty) ký kết hợp đồng góp vốn để kinh doanh cửa hàng thực phẩm sạch tại địa chỉ số: Số D T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; số tiền góp 150.000.000 đồng, sở hữu 15% cổ phần của cửa hàng thực phẩm sạch tại địa chỉ trên; tài khoản tiếp nhận góp vốn: 0371000460439; chủ tài khoản: Lê Hồng C; Ngân hàng V chi nhánh thành phố H; thời hạn của hợp đồng: 05 năm kể từ ngày ký; Phân chia lợi nhuận: Mỗi tháng bên A được hưởng 15% lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh tại cửa hàng. Ngày 03/7/2019 và ngày 10/7/2019 bà A đã chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản 0371000460439; chủ tài khoản: Lê Hồng C; Ngân hàng V chi nhánh thành phố H.

Công ty không thực hiện đăng ký vốn góp của bà A vào Công ty, không đăng ký bà A là thành viên Công ty nên bà A không được thực hiện quyền, nghĩa vụ thành viên Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ nên ngày 22/5/2022, bà A có thông báo tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng ngày 02/7/2019 giữa bà Ngọc A với Công ty.

Bà A yêu cầu giải quyết hậu quả về việc tuyên bố hủy bỏ giao dịch dân sự. Yêu cầu Công ty phải trả lại cho bà A 150.000.000 đồng.

2. Bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận ngày 02/7/2019, ông Lê Hồng C đại diện Công ty ký hợp đồng với bà Hoàng Thị Ngọc A về việc góp tài sản để kinh doanh. Tuy nhiên, hợp đồng được ký kết giữa bà A với Công ty là hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng không quy định bà A là thành viên của Công ty và giữa bà A và Công ty cũng không có văn bản thỏa thuận về việc bà A là thành viên của Công ty nên tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2, ngày 25/10/2019 mục danh sách thành viên góp vốn không có tên bà Hoàng Thị Ngọc A là đúng quy định của pháp luật.

Do bà Hoàng Thị Ngọc A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng nên vi phạm điều khoản của hợp đồng. Thời điểm công ty đã đi vào hoạt động kinh doanh nhưng do tình hình dịch bệnh, kinh doanh thua lỗ nên Công ty không thể chi trả lợi nhuận cho bà A theo như cam kết tại hợp đồng. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 423; Điều 427 Bộ luật dân sự; Điều 312, Điều 314 Luật thương mại;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc A: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho

bà Hoàng Thị Ngọc A số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng ngày 02/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2023, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, yêu cầu TAND thành phố Đông Hà xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 12/07/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH A1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của kháng cáo: Ngày 05/8/2023, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Hồng C kháng cáo Bản án; ngày 25/8/2023 bị đơn nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; ngày 17/10/2023 bị đơn nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án là quá thời hạn kháng cáo quy định Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xem xét và chấp nhận tại Quyết định số 06/2023/QĐ-PT ngày 10/11/2023. Như vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng được ký kết giữa bà Hoàng Thị Ngọc A với Công ty TNHH A1 tại tỉnh Quảng Trị và địa điểm kinh doanh tại: D T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Qua xem xét nội dung đơn kháng cáo và quá trình tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, HĐXX thấy:

3.1. *Xác định quan hệ tranh chấp*: Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký kết ngày 02/7/2019 giữa bà Hoàng Thị Ngọc A với Công ty TNHH A1 nhằm góp vốn kinh doanh cửa hàng thực phẩm sạch; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền góp vốn kinh doanh nên xác định tranh chấp hợp đồng hợp tác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại là không đúng. Theo quy định khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*”. Tuy nhiên phía nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc A là cá nhân không đăng ký kinh doanh nên cần phải xác định đây là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3.2. *Bị đơn kháng cáo với nội dung*: Ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà đã có Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 05/2023 tạm đình chỉ vụ án, đến ngày 26/6/2023 ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Ngày 29/6/2023, Tòa án mới có Thông báo mở phiên tòa vào ngày 12/7/2023. Như vậy, phiên tòa ngày 12/7/2023 được xem là phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất kể từ khi có thông báo giải quyết lại vụ án. HĐXX thấy:

- Ngày 03/4/2023: Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- Ngày 14/4/2023: Phiên tòa lần 1 hoãn. Lý do các bên đương sự xin hoãn.
- Ngày 12/5/2023: Mở lại phiên tòa và HĐXX ra quyết định tạm ngừng phiên tòa với lý do thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ. Các đương sự đều có mặt.
- Ngày 09/6/2023: Tiếp tục phiên tòa và tạm đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do Công ty TNHH A1 chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ngày 26/6/2023: Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và kèm theo thông báo mở lại phiên tòa (Bị đơn nhận được ngày 03/7/2023).

- Ngày 12/7/2023: Tòa án mở lại phiên tòa và xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại mục 2 phần IV Công văn số 89/TANDTC-PC30/6/2020 của TANDTC giải đáp đối với trường hợp trên vụ án đã được đưa ra xét xử sau đó tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 259 BLTTDS, nhưng sau đó lý do tạm đình chỉ không còn thì Tòa án phải căn cứ Điều 216 BLTTDS để ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và gửi thông báo ngày mở lại phiên tòa và phiên tòa sẽ được tiến hành lại từ đầu. Phiên tòa ngày 12/7/2023 vắng mặt bị đơn thì HĐXX sơ thẩm cần phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử vào một thời gian khác. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn cần thiết phải hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng hợp tác để

giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Những vi phạm thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở giai đoạn phúc thẩm nên HĐXX phúc thẩm không xét nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và các quyết định khác của bản án được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Công ty TNHH A1**: Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2023 của TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chuyển hồ sơ vụ án để TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho **Công ty TNHH A1** số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo biên lai thu số 0000938 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đông Hà;
- VKSND TP Đông Hà;
- CC THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thiết Hùng

Thẩm phán thành viên

Nguyễn Văn Trung Lê Văn L1

Thẩm phán- Chủ tọa

Lê Thiết Hùng

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim T

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 07/3/2022, Bên A là ông Nguyễn Phúc Nhân và Bên B là ông Ngô Quang H ký kết hợp đồng đặt cọc nhằm giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 42, tờ bản đồ 03, địa

chỉ lô đất: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; diện

tích 7 x 20m, có 60m² đất ở tại lô số 06 theo Block quảng bá. Giá chuyển nhượng 600.000.000 đồng, bên B đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng.

Theo ông N trình bày: Sàn Giao dịch bất động sản Nguyễn Nhân L2 do ông Nguyễn Phúc N tổ chức dựa theo thửa đất trên good map để vẽ bản sơ đồ mô phỏng thửa đất số 42, tờ bản đồ 03, địa chỉ lô đất: Thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã được thành 8 phân lô và chuyển lên Zalo nhóm môi giới để mọi người cùng tương tác, tiến hành giao dịch, môi giới quảng bá,

ký hợp đồng đặt cọc nhằm giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất. Quá trình giao dịch các bên dựa vào bản vẽ mô phỏng sơ đồ để giới thiệu cho bên mua tiếp cận thửa đất và cũng có thể trực tiếp xem thửa đất. Ông H có quyền đến xem thửa đất trước khi ký hợp đồng đặt cọc nhưng ông N không biết rõ ông H đã đến xem thửa đất hay chưa vì người trực tiếp giới thiệu là chị Pha M cộng tác của ông N.

Tại sơ đồ mô phỏng của bị đơn cung cấp thì: Thửa đất số 42, tờ bản đồ 03, địa chỉ lô đất: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị

tiếp giáp đường H. Tuy nhiên, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 844337 do Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị cấp ngày 22/10/2021, tên người sử dụng: ông Trịnh Tửu. Ngày 08/12/2021, chỉnh lý trang 03 chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Nha T1, sinh

năm 1994, CMND số 197318013; địa chỉ thường trú: Thị trấn Ái tử, huyện Triệu

5

Phong, tỉnh Quảng Trị và chỉnh lý trang 4 tên người sử dụng: Trương Thị Thanh Lương kèm theo sơ đồ tách thửa có sơ đồ thửa đất 42, tờ bản đồ 03, địa chỉ lô đất: **Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** tiếp giáp hành lang giao thông 10m, tiếp đến giáp Đường ĐH48B.

Theo văn bản số 82/KTHT ngày 22/9/2022 của Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Triệu Phong có xác nhận: Đường ĐH.48B có điểm đầu giao đường tỉnh ĐT.579 tại

KM6+00, điểm cuối giao tại **xã C, huyện C; Đường T.579** có điểm đầu giao **Quốc lộ A** tại KM 765+530, điểm cuối giao Đường ĐH.48B;

Đường tỉnh ĐT.579 đoạn đi qua **T** có tên là **đường H**. Theo

đó, Đường ĐH.48B không thuộc **đường H** như quảng bá khi giao dịch.

Như vậy, theo các tài liệu mà ông **Nguyễn Phúc N** đưa ra quảng bá khi giao dịch đặt cọc nhằm chuyển nhượng quyền là không phù hợp với thực tế thửa đất làm

cho bên mua hiểu sai lệch về tính chất của đối tượng.

Mặt khác, Tại Điều 4 của hợp đồng ghi: “Bên A cam kết tài sản trên thuộc quyền sở hữu của mình, có đầy đủ giấy tờ liên quan để chứng minh”. Xem xét Giấy

CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 844337 do

Sở T3 cấp ngày 22/10/2021, thấy rằng: Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc, thửa đất 42, tờ bản đồ 03 trên mang tên chủ sử dụng

bà **Phạm Thị Nha T1**.

Tại phiên tòa ông **N** xuất trình, Hợp đồng đặt cọc mua đất giữa ông Võ Ngọc Bảo ký kết với ông **N** vào ngày 08/3/2022 nhằm mục đích chuyển nhượng thửa đất 42, tờ bản đồ 03 nói trên; 01 bản pho to giấy ủy quyền lập ngày 07/6/2022 của bà **Trương Thị Thanh L3** ủy quyền cho ông **N** thực hiện việc chuyển nhượng các thửa đất được tách ra từ thửa đất số 42, tờ bản đồ 03 nói trên.

Như vậy, tại thời điểm ngày 07/3/2022, ông **Nguyễn Phúc N** không phải là chủ sử dụng đất hoặc cá nhân, được chủ sử dụng đất ủy quyền để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà tiến hành ký kết hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 42, tờ bản đồ 03 là vi phạm về chủ thể theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai. Ông **N**

cũng chưa có tài liệu pháp lý về thửa đất nói trên nên đã mô phỏng sơ đồ thửa đất giáp với **đường H**. Mô phỏng này không đúng với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 844337 do Sở Tài nguyên và Môi Trường Quảng Trị cấp ngày 22/10/2021, tên người sử dụng: ông **Trịnh T2**; thời điểm này đã chỉnh lý trang 3 mang tên chủ sử dụng đất bà **Phạm Thị Nha T1**. Từ 02 nhận định nêu trên thấy rằng: hợp đồng đặt cọc ký ngày 07/3/2022, giữa: Bên A là ông **Nguyễn Phúc N** và Bên B là ông **Ngô Quang H** nhằm để giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất số 42, tờ bản

6

đồ 03, địa chỉ lô đất: Thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (Lô số 06) vi phạm Điều 127 do hành vi cố ý của Bên A nhằm làm cho Bên B hiểu sai về chủ thể và tính chất đối tượng nên hợp đồng đặt cọc trên bị vô hiệu. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng đặt cọc trên vô hiệu và phải thực hiện theo nguyên tắc các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận quy định tại Điều 131; Điều 408 Bộ luật dân sự. Ông **Nguyễn Phúc N** đã nhận của ông Ngô Quang Hiếu 100.000.000 đồng nên cần buộc ông **N** phải hoàn trả lại số tiền trên cho ông **H** số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông **Ngô Quang H** rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng phạt cọc do vi phạm hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

2. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Buộc ông **Nguyễn Phúc N** phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho ông **Ngô Quang H** số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000416 ngày 05/8/2022 của **Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.**